

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 5 - 2021  
V/v “ Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Trần Thị Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 30, ấp N, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị H trình bày:* Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không lo làm ăn không quan tâm đến gia đình, từ đó chị và anh C ly thân luôn cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C chung sống có 02 con chung, cháu Phạm Thị Tú A, sinh ngày 8-3-1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 23-11-1997. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản làm việc ngày 04-5-2021 anh C đồng ý ly hôn với chị H, con chung anh không yêu cầu giải quyết vì hai cháu A và cháu T đã thanh niên và có khả năng tự lao động và sinh sống được. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Chị H và anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt chị H và anh C theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do chị H và anh C không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ giữa chị H và anh C là vợ chồng; về con chung hai cháu A và cháu T đã thanh niên và có khả năng tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; nợ chung anh chị khai không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, anh chị không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Nay chị H có yêu cầu ly hôn mặc dù anh C đồng ý Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho anh chị ly hôn, mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị H và anh C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung là Phạm Thị Tú A, sinh ngày 8-3-1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 23-11-1997. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9, Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Thu H và anh Phạm Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thị Tú A, sinh ngày 8-3-1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 23-11-1997. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh C khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012715 ngày 15-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. (chị H đã nộp xong án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Tài**

